TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 231/2025/DS-PT
Ngày: 21/3/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Trúc
Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Minh Sang
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2025/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 944/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Khánh L, sinh năm 1959.
   Địa chỉ: A N, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
   Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Công Phú H, sinh năm 1996, có mặt.
   Địa chỉ liên hệ: B N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
   (theo Giấy ủy quyền số công chứng 003214, quyển số 03/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/7/2023 của Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn:
   2.1. Ông Bùi Việt H1, sinh năm 1958, có mặt;
   2.2. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1967, có mặt.

Cùng địa chỉ: 1 khu phố B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H2 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2023 và quá trình giải quyết tại Tòa án, đại diện nguyên đơn bà Bùi Công Phú H trình bày như sau:

Ông Bùi Việt H1 và bà Nguyễn Thị H2 là vợ chồng. Vợ chồng ông H1 và bà H2 khó khăn nên bà L đã cho vợ chồng ông H1 bà H2 vay tiền theo giấy mượn tiền ngày 09/11/2015, cụ thể: Số tiền vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 1 tuần từ ngày 09/11/2015 đến ngày 16/11/2015.

Sau khi ký giấy mượn tiền, bà L đã nhiều lần yêu cầu ông H1 và bà H2 trả tiền vay nhưng ông H1 và bà H2 không trả và còn có thái độ thách thức bà. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Toà án Quận C giải quyết:

- Buộc ông H1 và bà H2 trả lại cho bà L số tiền đã vay theo giấy mượn tiền ngày 09/11/2015 với số tiền 300.000.000 đồng.

- Buộc ông H1 và bà H2 trả lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền vay từ ngày đến hạn thanh toán cho đến khi giải quyết xong vụ án, số tiền lãi tạm tính là 227.490.000 đồng.

Tổng số tiền tạm tính mà ông H1 và bà H2 phải trả cho bà L là 527.490.000 đồng.

Tại các bản tự khai và các biên bản trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn ông Bùi Việt H1 trình bày như sau:

Ông H1 xác nhận ông H1 và bà Nguyễn Thị H2 có cùng ký nhận vào giấy mượn tiền ngày 09/11/2015 với bà Mai Khánh L. Nội dung ông H1 và bà H2 có vay mượn của bà L 300.000.000 đồng và sẽ trả trong 01 tuần (từ 9/11/2015 đến 16/11/2015).

- Bà Mai Khánh L đã đưa số tiền 300.000.000 đồng và vợ chồng ông H1 và bà H2 có nhận đủ số tiền trên.

Tại các bản tự khai và các biên bản trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị H2 trình bày như sau:

Bà H2 xác nhận ông Bùi Việt H1 và bà Nguyễn Thị H2 có cùng ký nhận vào giấy mượn tiền ngày 09/11/2015 với bà Mai Khánh L. Nội dung ông H1 và bà H2 có vay mượn của bà L 300.000.000 đồng và sẽ trả trong 01 tuần (từ 9/11/2015 đến 16/11/2015).

Bà Mai Khánh L đã đưa số tiền 300.000.000 đồng và vợ chồng ông H1 và bà H2 có nhận đủ số tiền trên. Bà H2 và ông H1 chưa trả cho bà L số tiền này.

Trước đây, bà Mai Khánh L và ông H1 và bà H2 có quan hệ làm ăn với nhau. Bà L còn giữ của ông H1 và bà H2 số tiền 1.400.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm triệu đồng). Bà đề nghị khi nào bà L trả cho bà H2 và ông H1 số tiền này thì bà H2 và ông H1 sẽ trả lại cho bà L số tiền 300.00.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2024/DS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 357, Điều 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Khánh L.

Ông Bùi Việt H1 và bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Mai Khánh L số tiền từ ngày 17/11/2015 đến ngày 16/8/2024 là 536.145.205 đồng (năm trăm ba mươi sáu triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm đồng) trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nợ lãi chậm trả là 236.145.205 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm đồng). Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/10/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị H2 nộp Đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do thực tế không có việc vay mượn giữa hai bên đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H2 trình bày nguyên đơn là họ hàng với em rể của bị đơn ông Bùi Việt H1. Nguyên đơn đề nghị và vợ chồng bị đơn đồng ý để nguyên đơn bỏ ra 300.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng thay cho bị đơn; đồng thời lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ Căn hộ S Chung cư B, số B L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh ra và thế chấp tại Ngân hàng TMCP V – Phòng G, vay số tiền 1.400.000.000 đồng đầu tư vào Công ty T (số tiền 300.000.000 đồng bị đơn ký vay của bà L sẽ được cấn trừ vào số tiền này). Tuy nhiên từ khi được giải ngân số tiền 1.400.000.000 đồng đến nay, nguyên đơn không trả lại tiền cho bị đơn, cũng không đưa tiền lời sau khi đầu tư nên nguyên đơn đang còn nợ bị đơn 1.100.000.000 đồng (cấn trừ khoản nợ 300.000.000 đồng) và tiền lãi phát sinh từ năm 2015 đến nay. Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Bùi Việt H1 thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị H2.

Bà Bùi Công Phú H – Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với trình bày của bị đơn và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Có thông báo bằng văn bản cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp về việc thụ lý vụ án, quyết định xét xử cùng hồ sơ vụ án chuyển Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Do kháng cáo của bị đơn không có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử

phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Ngày 16/8/2024, Tòa án nhân dân Quận 3 xét xử sơ thẩm và tuyên án, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngày 26/9/2024, bị đơn được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm. Ngày 10/10/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị H2 nộp Đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của bị đơn đã nộp còn trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn thông báo nên Đơn kháng cáo là hợp lệ, được xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 09/11/2015, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/7/2023, Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 19/7/2023, Biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2024, Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2024, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 16/7/2024, có đủ cơ sở xác định: Ngày 09/11/2015, ông Bùi Việt H1 và bà Nguyễn Thị H2 cùng ký mượn của bà Mai Khánh L số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 09/11/2015 đến ngày 16/11/2015, hai bên không thỏa thuận về việc trả lãi. Xét, Giấy mượn tiền ngày 09/11/2015 là hợp đồng vay tài sản, thời điểm giao kết bà Mai Khánh L, ông Bùi Việt H1 và bà Nguyễn Thị H2 có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết dựa trên sự tự nguyện của các bên. Mục đích và nội dung của giao dịch không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 121, 122, 123, 124, 281 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Thực hiện Giấy mượn tiền ngày 09/11/2015, ông Bùi Việt H1 và bà Nguyễn Thị H2 đã nhận đủ tiền vay nhưng không trả tài sản đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được các bên thỏa thuận (hạn trả tiền vay là ngày 16/11/2015). Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng phù hợp với quy định tại các Điều 280, khoản 1 Điều 281, Điều 290 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên.

[2.2] Ông H1, bà H2 – Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay từ ngày 17/11/2015 (chưa thanh toán bất kì khoản tiền nào cho bà L – Bên cho vay). Căn cứ Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 4 và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, trong trường hợp hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng, nghĩa vụ thanh toán lãi chậm trả của ông H1, bà H2 được xác định như sau:

- Từ ngày 17/11/2015 đến ngày 31/12/2016, ông H1 và bà H2 phải chịu tiền lãi chậm trả trên số dư nợ gốc quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng N quy định mức lãi suất cơ bản áp dụng cho thời kỳ này là 9%/năm.

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm: ông H1 và bà H2 phải chịu tiền lãi chậm trả trên số dư nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương đương 10%/năm.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả từ ngày 17/11/2015 với mức lãi suất 9%/năm. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi chậm trả phù hợp với các quy định pháp luật vừa trích dẫn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tại Bản tự khai không đề ngày tháng năm (bút lục số 92), Bản tự khai ngày 07/8/2023, Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 19/7/2023, các Biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2023 và 10/7/2023, ông H1 và bà H2 thừa nhận có ký Giấy mượn tiền ngày 09/11/2015 và nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng từ bà L theo Giấy mượn tiền này nhưng cho rằng các bên có thỏa thuận cấn trừ số tiền này để giải chấp giấy tờ nhà đất của bị đơn để vay số tiền 1.400.000.000 đồng, sau đó đầu tư vào Công ty T kiếm lời. Tuy nhiên, phần trình bày này không được nguyên đơn thừa nhận, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, cũng không đưa ra yêu cầu phản tố, không được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét trong vụ án này.

[4] Từ những phân tích trên, xét Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng quy định của pháp luật để xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H2 và ông Bùi Việt H1 phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật;

[6] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H2 phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H2 đã nộp.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2024/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Khánh L.

Ông Bùi Việt H1 và bà Nguyễn Thị H2 có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Mai Khánh L số tiền còn nợ từ ngày 17/11/2015 đến ngày 16/8/2024 là 536.145.205 đồng (năm trăm ba mươi sáu triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm đồng) trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nợ lãi chậm trả là 236.145.205 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm đồng). Việc thanh toán trả tiền được thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Việt H1 và bà Nguyễn Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.445.808 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm lẻ tám đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H2 phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị H2 đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0040680 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu (T18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng